

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Kiến Dân;
2. Ông Võ Văn Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa: ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thuỳ D**, sinh năm: 1996;
Địa chỉ: ấp LN, xã LHD, huyện CD, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Chị **Ngô Tuấn C**, sinh năm: 1995; (Có mặt)
Địa chỉ: ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 2015, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 vào ngày 10/3/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C sử dụng chất cấm, ăn chơi, mắc nợ, không lo làm ăn, gây áp lực và có những lời lẽ uy hiếp chị và gia đình. Anh chị đã ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Nhận thấy

tình cảm ngày càng xa cách, mâu thuẫn ngày càng lớn không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Ngô Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/7/2015. Khi ly hôn chị D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

Anh và chị D chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT năm 2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh còn ham chơi chị D khuyên không được nên có giận và về nhà mẹ ruột ở Long An sống đến nay. Anh biết là anh có lỗi và hứa sẽ sửa chữa để vợ chồng hàn gắn. Trong trường hợp tòa án xét thấy mâu thuẫn trầm trọng cho ly hôn thì về con chung anh đồng ý giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Ngô Tuấn C có địa chỉ tại xã TT, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị D xin ly hôn với anh C, yêu cầu nuôi con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28; của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn có mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị D và anh C chung sống với nhau từ năm 2014, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 vào ngày 10/3/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị D cho rằng trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn như anh C không lo làm ăn, ăn chơi, mắc nợ và sử dụng chất cấm, chị khuyên nhiều lần nhưng không được nên chị yêu cầu ly hôn. Anh C cũng thừa nhận mình có lỗi còn ham chơi, anh hứa sửa chữa và không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ nhưng anh không đưa ra biện pháp nào thuyết phục để hàn gắn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị D và anh C đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D với anh C.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Ngô Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/7/2015. Khi ly hôn chị D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu B đang sống cùng với chị D và cháu B có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn; trong quá trình giải quyết vụ án anh C cũng có ý kiến nếu cho ly hôn thì con chung anh đồng ý giao cho chị D nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ngô Nguyễn Khánh B cho chị Nguyễn Thị Thuỳ D tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì chị D, anh C được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuỳ D.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D được ly hôn với anh Ngô Tuấn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thuỳ D được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên Ngô Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/7/2015, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của con thì anh C, chị D được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027573 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Ngô Tuấn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã TT, TXGC
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo